

Số: 71/CSĐP - KTTV

Ngày 20 tháng 10 năm 2022

V/v giải trình báo cáo kết quả kinh doanh
tổng hợp quý 3 năm 2022

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2022

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	QUÝ 3 NĂM 2022	QUÝ 3 NĂM 2021	CHÊNH LỆCH	%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2	VI.25	248.691.390.951	216.680.228.415	32.011.162.536	114,77
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	10		-	-	-	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 10 - 01)	11		248.691.390.951	216.680.228.415	32.011.162.536	114,77
4	Giá vốn hàng bán	20	VI.27	163.236.780.584	157.577.893.902	5.658.886.682	103,59
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	21		85.454.610.367	59.102.334.513	26.352.275.854	144,59
6	Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.26	7.783.484.139	5.219.958.590	2.563.525.549	149,11
7	Chi phí tài chính	23	VI.28	21.396.825	274.438.911	(253.042.086)	7,80
8	Trong đó: Chi phí lãi vay	25		-	-	-	
9	Chi phí bán hàng	26		1.892.503.782	1.153.202.239	739.301.543	164,11
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30		15.464.166.999	9.319.698.161	6.144.468.838	165,93
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25) }	31		75.860.026.900	53.574.953.792	22.285.073.108	141,60
12	Thu nhập khác	32		12.200.426.753	15.345.109.674	(3.144.682.921)	79,51
13	Chi phí khác	40		3.853.695.134	9.535.260.520	(5.681.565.386)	40,42
14	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	50		8.346.731.619	5.809.849.154	2.536.882.465	143,67
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	51		84.206.758.519	59.384.802.946	24.821.955.573	141,80
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	52	VI.30	16.346.484.346	11.847.106.151	4.499.378.195	137,98
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	60	VI.30	-	-	-	
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN (=50-51-52)	70		67.860.274.173	47.537.696.795	20.322.577.378	142,75
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	71					
20	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)						

Giải Trình:

Trong quý 3 năm 2021: Sản lượng tiêu thụ là: 4.863,18 tấn; Giá bán bình quân: 41.042.738 VND/tấn.

Trong quý 3 năm 2022: Sản lượng tiêu thụ là: 3.825,24 tấn; Giá bán bình quân: 39.702.596 VND/tấn.

Do:

+ Sản lượng tiêu thụ quý 3 năm 2022 thấp hơn quý 3 năm 2021 Và giá bán bình quân thấp hơn quý 3 năm 2021.

(giá bán bình quân quý 3 năm 2022 giảm: 1.340.140VND/tấn hay giảm: 3,27 % so với quý 3 năm 2021).

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh quý 3 năm 2022 tăng: 22.285.073.108VND hay tăng 41,60% so với quý 3 năm 2021. (chủ yếu do cây cao su thanh lý tăng)

+ Lợi nhuận khác quý 3 năm 2022 tăng : 2.536.882.465VND hay tăng 43,67% so với quý 3 năm 2021.

Do đó, lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2022 tăng : 20.322.577.378 VND hay tăng 42,75% so với quý 3 năm 2021

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, N.Vu (b)



Hồ Cường